

VỤ TÍN DỤNG CÁC NGÀNH KINH TẾ

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY CHỦ TÀU ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2014/TT-NHNN

NGÀY 15 THÁNG 8 NĂM 2014 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đến ngày 31 Tháng 8 Năm 2015

STT	Tỉnh/TP	Tổng số tàu đã ký hợp đồng tín dụng	Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng														Số tiền cam kết cho vay (Tỷ đồng)	Dư nợ (Tỷ đồng)
			Số lượng tàu									Ngân hàng cho vay						
			Đóng mới	Nâng cấp	Công suất tàu		Chất liệu tàu			Ngành nghề KT								
					Từ 400 - 800 CV	Trên 800CV	Gỗ	Thép	Vật liệu mới	Khai thác	Dịch vụ hậu cần	BIDV	Nông nghiệp	Vietinbank	Vietcombank			
1	Quảng Bình	10	9	1	2	8	7	3	-	9	1	4	6			77,6	29,70	
2	Quảng Nam	14	14	0	1	13	4	10	-	14		8	6			161,4	41,95	
3	Quảng Ngãi	12	12	0	7	5	8	4	-	9	3	6	3		3	92,0	36,10	
4	Thừa Thiên - Huế	4	4	0	3	1	4	-		2	2	1	3			17,4	15,34	
5	Bến Tre	3	2	1	2	1	3			1	2		2	1		17,4	3,80	
6	Bình Định	12	12	0	-	12	-	12		12	-	11			1	186,1	39,78	
7	Khánh Hòa	6	5	1	6	-	2		4	6	-	4	1		1	29,95	8,85	
8	Sóc Trăng	2	0	2	2	-	2			2		2				1,8	0,86	
9	Tiền Giang	13	13	0	13	-	13	1	-	12	1	3		7	3	93,0	62,00	
10	Phú Yên	6	5	1	-	6	5	1	-	6		6				49,5	10,04	
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	4	4	0	1	3		4		2	2	3	1			100,2	52,90	
12	Nghệ An	14	14	0	5	9	12	2		14		6	4	3	1	100,0	30,5	
13	Quảng Trị	8	8	0	2	6	2	6		7	1	3	5			89,8	8,95	
14	Nam Định	16	16	0		16		16		16		12	4			235,78	23,00	
15	Thái Bình	3	3	0		3	1	2		1	2	2		1		38,2	9,08	
16	Quảng Ninh	4	4	0	1	3	2	2		2	2	1	2		1	41,4	5,3	
17	Bình Thuận	14	14	0	13	1	7	1		13	1		14			81,7	57,99	
18	Đà Nẵng	3	3	0	-	3	1	2	-	3	-	1	1		1	41,9	10,32	

STT	Tỉnh/TP	Tổng số tàu đã ký hợp đồng tín dụng	Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng														
			Số lượng tàu									Ngân hàng cho vay				Số tiền cam kết cho vay (Tỷ đồng)	Dư nợ (Tỷ đồng)
			Đóng mới	Nâng cấp	Công suất tàu		Chất liệu tàu			Ngành nghề KT							
					Từ 400 - 800 CV	Trên 800CV	Gỗ	Thép	Vật liệu mới	Khai thác	Dịch vụ hậu cần	BIDV	Nông nghiệp	Vietinbank	Vietcombank		
19	Thanh Hóa	6	6	0	3	3	4	2	-	5	1	1	5			58,6	12,20
20	Hà Tĩnh	4	4			4		4		4		4				51,8	3,8
21	Kiên Giang	3	3		2	1	3			2	1	2			1	20,6	4,00
22	Ninh Thuận	3	3	0		3		1	2	1	2		3			35,9	3,64
23	Cà Mau	7	7	0	3	4	3	4		3	4	2	5			70,0	4,40
24	Bạc Liêu	1	1		1		1				1		1			7,0	1,50
25	Trà Vinh	2	2	0	2		2			2		2				17,3	
Tổng hợp		174	168	6	69	105	86	77	6	148	26	84	66	12	12	1.716	476